

UNIT 7:**POLLUTION****COMMUNICATION****I/ NEW WORDS:**

- permanent	(adj) : vĩnh viễn
- earplug	(n) : cái nút tai
- hearing loss	(n) : mất thính lực
- pressure	(n) : sức ép, áp lực
- constant	(adj) : trung thành, kiên trì
- unit	(n) : đơn vị, vật
- decibel	(n) : đề xi ben
- wave	(n) : sóng
- whistle	(v) : thổi còi, huýt sáo
- immediate	(adj) : tức thì, trực tiếp
- symptom	(n) : triệu chứng
- buzz	(n) : tiếng vù vù
- jump	(v) : nhảy
- asleep	(adj) : ngủ
- lie-lay- lain	(v) : nằm
- headset	(n) : bộ ống nghe